

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2022/DS-ST

Ngày 29 – 7 – 2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Minh Chí

Ông Phan Bảo Dương

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Minh Đất – Là Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2022/TLST- DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Văn C, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp 6, xã An X, thành phố C, tỉnh C

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Quách Thị K, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp 6, xã An X, thành phố C, tỉnh C (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Chí T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã An X, thành phố C, tỉnh C

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ú (vợ ông Trần Chí T)

Địa chỉ: Ấp 6, xã An X, thành phố C, tỉnh C (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Năm 2019, 2020 ông C cho ông T vay tiền nhiều lần, mục đích ông T vay tiền để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi vay tiền ông T có làm biên nhận. Theo giấy biên nhận không thể hiện lãi suất vay nhưng các bên có thỏa thuận lãi suất vay 3,5%/tháng, trả lãi hàng tháng, thời hạn cho vay đến khi ông T làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không quá 12 tháng, cụ thể các lần vay như sau:

Ngày 24/10/2019 vay 20.000.000 đồng;

Ngày 14/01/2020 vay 160.000.000 đồng;

Ngày 17/01/2020 vay 70.000.000 đồng;

Ngày 21/01/2020 vay 80.000.000 đồng;

Ngày 08/02/2020 vay 15.000.000 đồng;

Ngày 28/3/2020 vay 30.000.000 đồng.

Sau khi vay các bên thống nhất ngày trả lãi cho các khoản vay vào ngày 17 hàng tháng, tính đến ngày 17/5/2020 ông T đã trả lãi cho các khoản vay được tổng số tiền là 57.575.000 đồng thì ngưng, đối với tiền vốn ông T chưa thanh toán. Mặc dù ông C nhiều lần gặp yêu cầu vợ chồng ông T thanh toán tiền vốn vay và trả lãi nhưng vợ chồng ông T không trả mà lánh mặt, vì vậy ông C khởi kiện yêu cầu ông T cùng bà Ú liên đới thanh toán tổng số tiền vốn vay 375.000.000 đồng, đối với khoản tiền lãi tại đơn khởi kiện ông T yêu cầu trả lãi từ tháng 10 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, tuy nhiên tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu trả lãi từ tháng 7 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Đối với ông T và bà Ú mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T và bà Ú đều vắng mặt mà không có lý do, đồng thời ông T và bà Ú cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông C khởi kiện yêu cầu ông T và bà Ú để yêu cầu thanh toán tổng số tiền vay 375.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi suất, nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T và bà Ú nhưng ông T và bà Ú đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà Ú theo quy định.

[3] Xét yêu cầu của ông C về việc buộc ông T và bà Ú thanh toán tổng số tiền vốn vay 375.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà Ú vắng mặt, tuy nhiên căn cứ vào các biên nhận nợ do ông C giao nộp thể hiện vào các năm 2019, 2020 ông T có vay tiền của ông C nhiều lần, tổng số tiền ông T nhận vay là 375.000.000 đồng là thực tế có xảy ra. Tại phiên tòa đại diện ông C xác định, ông T vay tiền để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên sau khi hết thời hạn thỏa thuận vay, ông C có yêu cầu ông T và bà Ú thanh toán lại tiền vốn vay nhưng ông T và bà Ú không thanh toán. Xét thấy việc ông T vay 375.000.000 đồng mà không thanh toán tiền vay khi đến hạn theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hơn nữa mục đích ông T vay tiền để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, vì vậy ông C khởi kiện yêu cầu ông T và bà Ú liên đới thanh toán tiền vốn vay tổng cộng 375.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của ông C về việc buộc ông T và bà Ú có nghĩa vụ trả lãi suất tiền vay, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn xác định đã nhận tiền lãi do ông T và bà Ú trả cho các khoản vay với mức lãi suất 3,5%/tháng, thời gian trả lãi đến tháng 5 năm 2020 là 57.575.000 đồng, ngày tính lãi cho các khoản vay được tính thống nhất vào ngày 17 hàng tháng, nên có cơ sở kết luận vay có lãi suất, vì vậy nguyên đơn yêu cầu buộc ông T và bà Ú tiếp tục trả lãi suất là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên xét về mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu tiếp tục áp dụng 3,5%/tháng như thỏa thuận, và việc thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông T và bà Ú trả lãi kể từ tháng 7 năm 2020 xét thấy là không phù hợp với quy định pháp luật, làm bất lợi cho ông T và bà Ú nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại mức lãi suất và thời gian tính lãi như sau:

- Số tiền lãi ông T và bà Ú có nghĩa vụ trả cho ông C từ ngày 01/10/2020 đến ngày tuyên án sơ thẩm là 133.750.000 đồng ($375.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 21 \text{ tháng} \times 12 \text{ ngày}$).

- Số tiền lãi ông T và bà Ú có nghĩa vụ trả cho ông C từ ngày vay đến tháng 5 năm 2020 là 24.249.998 đồng, cụ thể:

+ Đối với khoản vay 20.000.000 đồng $\times 20\%/năm \times 07 \text{ tháng}$ (ngày 24/10/2019 đến tháng 5/2020) = 2.333.333 đồng;

+ Đối với khoản vay 160.000.000 đồng $\times 20\%/năm \times 04 \text{ tháng}$ (ngày 14/01/2020 đến tháng 5/2020) = 10.666.666 đồng;

+ Đối với khoản vay 70.000.000 đồng $\times 20\%/năm \times 04 \text{ tháng}$ (ngày 17/01/2020 đến tháng 5/2020) = 4.666.666 đồng;

+ Đối với khoản vay 80.000.000 đồng $\times 20\%/năm \times 04 \text{ tháng}$ (ngày 21/01/2020 đến tháng 5/2020) = 5.333.333 đồng;

+ Đối với khoản vay 15.000.000 đồng $\times 20\%/năm \times 03 \text{ tháng}$ (ngày 08/02/2020 đến tháng 5/2020) = 250.000 đồng;

+ Đối với khoản vay 30.000.000 đồng $\times 20\%/năm \times 02 \text{ tháng}$ (ngày 28/3/2020 đến tháng 5/2020) = 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định đã nhận tiền lãi do ông T và bà Ú đã trả cho ông C đến tháng 5 năm 2020 là 57.575.000 đồng, vì vậy số tiền lãi chênh lệch ông T và bà Ú đã trả cho ông C được đối trừ. Như vậy sau khi được đối trừ, số tiền lãi ông T và bà Ú có nghĩa vụ phải trả tiếp cho ông C là 100.424.998 đồng.

[5] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, nên án phí dân sự sơ thẩm ông T và bà Ú phải chịu theo quy định. Ông C không phải chịu án phí, đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn C. Buộc ông Trần Chí T và bà Nguyễn Thị Ú có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trương Văn C số tiền 475.424.998 đồng (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi tám đồng).

Kể từ ngày Trương Văn C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Chí T và bà Nguyễn Thị Ú không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Chí T và bà Nguyễn Thị Ú phải chịu 23.017.000 đồng (chưa nộp). Ông Trương Văn C không phải chịu án phí, ngày 09/5/2022 ông C đã dự nộp số tiền 11.740.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai thu số 0001307, được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trương Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trần Chí T và bà Nguyễn Thị Ú vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND thành phố Cà Mau
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn
- Lưu TM (TANDTPCM)

Phạm Việt Trung